

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-ST

Ngày 16/6/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa bà: Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Thành Nghi.

- Ông Nguyễn Thanh Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Tấn Tâm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST-DS ngày 17/11/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-DS ngày 05/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-DS ngày 24/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Minh T**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Xóm 3, thôn T1, xã T2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Minh T: Bà Tôn Khánh H, sinh năm 1992; theo giấy ủy quyền ngày 09/11/2021; bà T có mặt; chị H, vắng mặt

Bị đơn: Ông **Tôn Ngọc B**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Đội 10, thôn T3, xã T2, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2021 và các văn bản trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Minh T trình bày:

Bà Trần Thị Minh T và ông Tôn Ngọc B trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn. Tháng 02/2021 ông Tôn Ngọc B nói với bà T, ông có

vay thế chấp trong Ngân hàng nông nghiệp, số tiền 160.000.000,đồng, vì ông B muốn lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp ở Ngân hàng ra tách thửa nhưng chưa biết có tiền ở đâu để trả cho Ngân hàng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ông B nhờ bà T vay giùm. Vì nghĩ thương con và trước đây đã từng là vợ chồng, nên bà T có vay của người khác để cho ông B vay với số tiền 160.000.000,đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng). Vì vậy ngày 16/3/2021 ông Tôn Ngọc B có viết giấy vay của bà T số tiền 160.000.000,đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) và hẹn 30 ngày sau sẽ trả cho bà. Sau đó, quá thời gian mượn đã lâu nhưng ông B không chịu trả cho bà.

Nay bà Trần Thị Minh T yêu cầu ông Tôn Ngọc B phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 160.000.000,đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 16/4/2021 đến nay với lãi suất 09%/năm. Cụ thể, ông B phải trả cho bà T với tổng số tiền là 176.800.000,đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 160.000.000,đồng và 16.800.000,đồng tiền lãi tính từ ngày 16/4/2021 đến ngày xét xử 16/6/2022.

Bị đơn: Ông Tôn Ngọc B không nộp văn bản trình bày cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Minh T khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tôn Ngọc B, cư trú tại: Thôn T3, xã T2, huyện S2 phải trả tiền nợ cho bà theo Giấy mượn tiền ngày 16/3/2021. Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Tôn Ngọc B, nhưng ông B không viết bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không đến Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án; Tòa án đã triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã tổng đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 179 Bộ Luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn ông B đều vắng mặt nên không tiến hành phiên hòa giải được theo quy định tại Điều 207, Điều 210 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-DS ngày 05/5/2022 và đã tổng đạt theo quy định tại

Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa ngày 24/5/2022, nhưng bị đơn ông B vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST- DS và đã tổng đạt hợp lệ theo quy định, theo Quyết định thì phiên tòa được mở lại lúc 8 giờ 00 phút ngày 16/6/2022 nhưng ông B tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Tôn Ngọc B là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với khoản tiền gốc: Căn cứ giấy vay tiền của ông Tôn Ngọc B đề ngày 16/3/2021 với nội dung có mượn của bà Trần Thị Minh T số tiền là 160.000.000,đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), với thời hạn vay là 30 ngày. Như vậy đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn. Sau khi hết kỳ hạn, ông B không trả nợ cho bà T, vì vậy việc bà T khởi kiện ra Tòa án là đúng quy định của pháp luật. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Tôn Ngọc B phải trả cho bà Nguyễn Thị Minh T số tiền gốc là 160.000.000,đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Đối với khoản tiền lãi: Việc bà Trần Thị Minh T yêu cầu ông B phải trả tiền lãi với lãi suất 09%/ năm là không vượt quá so với lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...”*, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về mức tính lãi suất của bà Trần Thị Minh T.

Do đó, ông Tôn Ngọc B phải trả tiền lãi cho bà Trần Thị Minh T từ ngày 16/4/2021 đến ngày xét xử ngày 16/6/2022 là 14 tháng, lãi suất 09%/năm, số tiền lãi là 160.000.000,đồng x 14 tháng x 09%/năm = 16.800.000,đồng, là phù hợp theo quy định tại các Điều 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Như vậy, ông Tôn Ngọc B phải trả cho bà Trần Thị Minh T tổng cộng với số tiền là 176.800.000,đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 160.000.000đồng và 16.800.000đồng tiền lãi tính từ ngày 16/4/2021 đến ngày xét xử 16/6/2022.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Minh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Ông Tôn Ngọc B phải chịu 8.840.000,đồng (tám triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (176.800.000 đồng x 5%) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[4] *Kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Minh T. Buộc ông Tôn Ngọc B phải trả cho bà Trần Thị Minh T số tiền 176.800.000,đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 160.000.000đồng và 16.800.000,đồng tiền lãi tính từ ngày 16/4/2021 đến ngày 16/6/2022.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tôn Ngọc B phải chịu 8.840.000,đồng(tám triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Minh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Trần Thị Minh T số tiền 4.000.000,đồng (bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001176 ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga